

Bản án số: 45/2024/DS-ST  
Ngày: 06-8-2024  
v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Đức

Ông Nguyễn Văn Trình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Q - Sinh năm: 1985. Địa chỉ: Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Hoàng P - Sinh năm: 1991 và bà Trần Thị Tâm M - Sinh năm: 1992. Địa chỉ: 4 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Ông P có mặt, bà M vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Ngày 27/9/2022, do quan hệ quen biết, ông có cho vợ chồng ông Hồ Hoàng P và bà Trần Thị Tâm M vay số tiền 200.000.000 đồng, ông P và bà M có ghi giấy mượn tiền cho ông. Nguồn gốc số tiền vay 200.000.000 đồng như sau: Năm 2022, ông có nhận cầm cố 01 chiếc xe cho bạn của ông Hồ Hoàng P với số tiền 100.000.000 đồng, ông tin tưởng nên giao toàn bộ giấy tờ cho ông P giữ, tuy nhiên ông P đã kê khống lên số tiền cầm cố là 150.000.000 đồng, nên số tiền ông P đã lấy của ông là 50.000.000 đồng. Sau đó, ông có cho vợ chồng ông P, bà M vay số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ. Một tháng sau, thì vợ chồng ông P, bà M tuyên bố vỡ nợ và ông tiếp tục cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Theo nội dung trao đổi giữa ông và vợ chồng ông P, bà M thì sau khi ký giấy mượn tiền thì mỗi tháng vợ chồng ông P, bà M phải trả cho ông số tiền

10.000.000 đồng. Khoảng tháng 02/2023 thì ông đã yêu cầu vợ chồng ông P, bà M thanh toán số tiền nợ nhưng ông P, bà M không trả. Sau đó, ông nhiều lần đòi nợ nhưng ông P, bà M vẫn không thực hiện. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hồ Hoàng P và bà Trần Thị Tâm M trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Hồ Hoàng P và bà Trần Thị Tâm M trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

*Trong bản tự khai đề ngày 17/7/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Hoàng P trình bày:*

Ngày 27/9/2022, vợ chồng ông là Hồ Hoàng P và Trần Thị Tâm M có viết giấy mượn tiền để vay số tiền 200.000.000 đồng của ông Trần Văn Q. Số tiền 200.000.000 đồng là tổng số tiền vay qua 3 lần vay. Do kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông chưa trả nợ được cho ông Q. Nay ông đề nghị ông Quảng T điều kiện cho ông trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

*Đối với bị đơn bà Trần Thị Tâm M:* Mặc dù bà Trần Thị Tâm M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Thị Tâm M vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### ***Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Hồ Hoàng P và bà Trần Thị Tâm M có địa chỉ: 4 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn bà Trần Thị Tâm M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

### ***Về nội dung:***

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông **Hồ Hoàng P** và bà **Trần Thị Tâm M** thanh toán số nợ 200.000.000 đồng:

[4.1] Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là Bản chính giấy mượn tiền ngày 27/9/2022 thể hiện: Ngày 27/9/2022, ông **Hồ Hoàng P** và bà **Trần Thị Tâm M** có vay của ông **Trần Văn Q** số tiền 200.000.000 đồng và không có thoả thuận về thời hạn trả nợ, cũng như lãi suất cho vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **Hồ Hoàng P** thừa nhận nội dung về việc vợ chồng ông là **Hồ Hoàng P** và **Trần Thị Tâm M** vay số tiền 200.000.000 đồng của ông **Trần Văn Q**. Đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định: Hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 27/9/2022 giữa ông **Trần Văn Q** và ông **Hồ Hoàng P**, bà **Trần Thị Tâm M**, là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ, thuộc loại hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng vay, mặc dù ông **Trần Văn Q** đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông **Hồ Hoàng P**, bà **Trần Thị Tâm M** vẫn không thực hiện. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông **Hồ Hoàng P** và bà **Trần Thị Tâm M** thanh toán số tiền nợ là 200.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4.3] Đối với ý kiến của bị đơn ông **Hồ Hoàng P** về việc được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ: Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Trần Văn Q** không đồng ý, nên HĐXX không chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông **Hồ Hoàng P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $5\% \times 200.000.000 = 10.000.000$  đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 92, 147, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn Q** đối với ông **Hồ Hoàng P** và bà **Trần Thị Tâm M** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.
2. Buộc ông **Hồ Hoàng P** và bà **Trần Thị Tâm M** phải trả cho ông **Trần Văn Q** số tiền nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Hồ Hoàng P** và bà **Trần Thị Tâm M** phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông **Trần Văn Q** được hoàn trả 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001674 ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Tuyên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**









